

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày 28-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Trúc
2. Ông: Nguyễn Bá Long

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 06 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HS ngày 25 /7/2019, đối với các bị cáo;

1. Lê Đình T Sinh năm 1983 tại huyện S tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện S, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đình L và bà Lê Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 30/12/2015 đã được xóa; bị tạm giữ ngày 19/4/2019; bị bắt, tạm giam ngày 25/04/2019 có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thị O Sinh năm 1987 tại huyện T, tỉnh H. Nơi Đăng ký HKTT: Đội 3, xã D, huyện T, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện S, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Th và bà Phạm Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân đã bị xử phạt vi phạm hành chính về

hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 17/12/2015 đã được xóa; bị tạm giữ ngày 19/4/2019; bị bắt, tạm giam ngày 25/04/2019 có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Chu Thế N, sinh năm 1959 Vắng mặt
Nơi cư trú: Xóm 10, xã P, huyện S, tỉnh H.
2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1954 Vắng mặt
3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 Vắng mặt
4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 Có mặt
5. Ông Lê Sỹ L, sinh năm 1967 Vắng mặt
6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950 Có mặt
7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1935 Vắng mặt
Đều cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện S, tỉnh H.
8. Ông Lê Đình T, sinh năm 1964 Vắng mặt
9. Ông Lê Xuân V, sinh năm 1961 Vắng mặt
Đều cư trú: Thôn 7, xã Q, huyện S, tỉnh H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 Vắng mặt
Nơi cư trú: Xóm 7, xã D, huyện S, tỉnh H.
2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1957 Có mặt
Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện S, tỉnh H.

* Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 Vắng mặt.
Nơi cư trú: Xóm 7, xã D, huyện S, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 23/07/2018, Lê Đình T Sinh năm 1983 và Phạm Thị O sinh năm 1987 sống như vợ chồng ở thôn 6, xã Q, huyện S đang trên đường đi ăn đám cưới về, O lái xe máy của Thành biên số 36B6-16326 Wave màu xanh chở T về, đến đoạn đường cong của Quốc lộ 47C thuộc địa phận xóm 10, xã P, huyện S thì T thấy có một chiếc xe máy biển số 36 H2-5083 gắn thùng kéo tự chế của anh Chu Thế N sinh năm 1959 để ở ven đường, trên xe có 72 gốc luồng và gỗ tạp. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên nên bảo O dừng lại và

đi đến chiếc xe máy kéo đang cắm sẵn chìa khóa ở ổ điện, Thành đã kéo chiếc xe ra đường, O đứng cách khoảng 15 m, biết T trộm xe nên đã tắt máy để không gây tiếng ồn. T nổ máy điều khiển xe nhưng do xe không có đèn nên O đã đi sau rọi đèn soi đường cho T đi, đến nhà anh Nguyễn Văn T sinh năm 1976; ở xóm 7, xã D, huyện S cửa hàng mua phế liệu, vào khoảng 2 giờ sáng ngày 24/7/2018, anh T đã mua với số tiền là 1.200.000đ. T và O đã mua ma túy cùng sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Ngày 26/07/2018, Lê Đình T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đầu thú và khai nhận toàn bộ về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Ngày 24/07/2018, anh Nguyễn Văn T giao nộp chiếc xe nhãn hiệu LIFAN, BKS 36H2-5083, thùng kéo, 72 góc luồng và gỗ tạp có trên thùng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Triệu Sơn kết luận: Chiếc xe LIFAN, thùng kéo tự chế, 72 khúc luồng và gỗ tạp có tổng trị giá: 4.906.615 đ (bốn triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm mười lăm đồng) gồm:

01 (một) xe máy Wave màu xanh nhãn hiệu LIFAN có BKS 36H2-5083 có số khung VTMPCHY02YT031113, phần yếm xe và mặt nạ xe không có, rè trước vỡ, đèn hậu sau không có giá: 2.500.000 đồng.

01 (một) thùng kéo tự chế bằng sắt dài 180 cm; rộng 130 cm, cao 145 cm có 02 bánh lốp cao su vành và nan hoa tự chế bằng sắt trên có 02 chấn bunn bằng lốp xe, bốn góc 4 cọc sắt phi 18 cao 47 cm đầu xe có 02 thanh v5 dài 85 cm có một đầu móc kéo giá: 2.000.000 đồng.

01 (một) khúc gỗ tạp dài 304 cm x 3 cm x 6 cm ký hiệu CN1 giá 13.680đồng

01 (một) khúc gỗ tạp dài 250 cm x 6 cm x 6 cm ký hiệu CN2 giá 22.500đồng

01 (một) khúc gỗ tạp dài 304 cm x 7 cm x 5 cm ký hiệu CN3 giá 26.600đồng

01 (một) khúc gỗ tạp dài 298 cm x 7 cm x 5 cm ký hiệu CN4 giá 26.075đồng

01 (một) khúc gỗ tạp dài 250 cm x 6 cm x 4 cm ký hiệu CN5 giá 15.000đồng

16 (mười sáu) khúc gỗ tạp dài 102 cm x 10 cm x 2 cm ký hiệu CN CN29-CN44 giá 81.600đồng.

23 (hai ba) khúc gỗ tạp dài 80 cm x 10 cm x 2 cm ký hiệu CN6-CN28 giá 92.000đồng.

02 (hai) khúc gỗ tạp dài 102 cm x 8 cm x 2 cm ký hiệu CN45-CN46 giá 8.160 đồng

04 (bốn) khúc gỗ tạp dài 70 cm x 30 cm x 3 cm ký hiệu CN47-CN50 giá 63.000 đồng.

08 (tám) khúc luồng dài 145 cm đường kính 7 cm ký hiệu CN51-CN giá 16.000đ.

14 (mười bốn) khúc luồng dài 158 cm đường kính 8 cm ký hiệu CN59-CN72 giá 42.000 đ

Ngày 22/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn ban hành Cáo trạng số: 11/CT-VKS truy tố Lê Đình T và Phạm Thị O về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Trong thời gian tại ngoại ở địa phương T và O tiếp tục trộm cắp.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/4/2019, Lê Đình T chở Phạm Thị O cùng đi xe máy biển số 36P9-3955 đến nghĩa trang bản Vông thuộc thôn 6, xã Q, khi đi mang theo 01 cây xà cậy và 01 túy sắt. Đến nơi T dùng xà cậy và túyp sắt cạy cánh cửa ở các phần mộ, được 13 cánh cửa của tám hộ gia đình xã Q gồm Lê Thị T sinh năm 1945; Nguyễn Văn H Sinh năm 1968; Lê Xuân V sinh năm 1961; Nguyễn Văn T sinh năm 1954; Lê Sỹ L sinh năm 1967; Nguyễn Văn H sinh năm 1950; Nguyễn Thị T sinh năm 1935; Lê Đình T sinh năm 1964, rồi cùng O khiêng xếp lại thành đồng. T đi xe máy về nhà lấy thùng kéo đến để chở, còn O đi ra đường chính để đợi, khoảng 10 phút sau T quay lại rồi vác 13 cánh cửa lên thùng xe kéo buộc lại, rồi đón Oanh đi đến cửa hàng mua phế liệu của anh Nguyễn Văn T bán được 650.000đ. T và O đi thành phố H ăn tiêu hết. Đến ngày 19/4/2019 T và O đến Công an huyện S đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 25/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện S kết luận 13 (mười ba) cánh cửa hợp kim gồm:

1. 01 (một) cánh cửa hợp kim màu xám được làm từ các ống túyp hợp kim tròn. Rỗng, phi 21 có chiều cao nhất là 122cm, thấp nhất là 110 cm, chiều rộng là 46 cm ký hiệu là T1 giá 765.000đ.
2. 01 (một) cánh cửa hợp kim màu xám được làm từ các ống túyp hợp kim tròn. Rỗng, phi 21 có chiều cao nhất là 122cm, thấp nhất là 110 cm, chiều rộng là 46 cm ký hiệu là T2 giá 765.000đ.
3. 01 (một) cánh cửa hợp kim màu xám được làm từ các ống túyp hợp kim tròn. Rỗng, phi 21 có chiều cao là 100cm, thấp nhất là 79 cm, chiều rộng là 46 cm ký hiệu là T3 giá 900.000đ.
4. 01 (một) cánh cửa hợp kim màu xám được làm từ các ống túyp hợp kim tròn. Rỗng, phi 27 các thanh bên trong bên trong được làm từ ống túyp hợp kim

tròn rỗng phi 21 có chiều cao là 110 cm, thấp nhất là 100 cm, chiều rộng là 59 cm ký hiệu là T4 giá 900.000đ.

5. 01 (một) cánh cửa hộp kim màu xám được làm từ các ống tuýp hợp kim tròn. Rỗng, phi 27 các thanh bên trong bên trong được làm từ ống tuýp hợp kim tròn rỗng phi 21 có chiều cao là 110 cm, thấp nhất là 100 cm, chiều rộng là 59 cm ký hiệu là T5 giá 900.000đ.

6. 01 (một) cánh cửa hộp kim màu xám được làm từ các ống tuýp hợp kim tròn. Rỗng, phi 27 các thanh bên trong bên trong được làm từ ống tuýp hợp kim tròn rỗng phi 21 có chiều cao là 139 cm, thấp nhất là 115 cm, chiều rộng là 62,5 cm ký hiệu là T6 giá 1.080.000đ.

7. 01 (một) cánh cửa hộp kim màu xám được làm từ các ống tuýp hợp kim tròn. Rỗng, phi 27 các thanh bên trong bên trong được làm từ ống tuýp hợp kim tròn rỗng phi 21 có chiều cao là 139 cm, thấp nhất là 115 cm, chiều rộng là 62,5 cm ký hiệu là T7 giá 1.080.000đ.

8. 01 (một) cánh cửa hộp kim màu xám được làm từ các ống tuýp hợp kim tròn. Rỗng, phi 21 có chiều cao nhất là 110 cm, thấp nhất là 95 cm, chiều rộng là 51 cm ký hiệu là T8 giá 540.000đ.

9. 01 (một) cánh cửa hộp kim màu xám được làm từ các ống tuýp hợp kim tròn. Rỗng, phi 21 có chiều cao nhất là 110 cm, thấp nhất là 95 cm, chiều rộng là 51 cm ký hiệu là T9 giá 540.000đ.

10. 01 (một) cánh cửa hộp kim được làm từ nhiều hộp, kích thước của một hộp là 4 cm x 2 cm, chiều cao nhất 170 cm, thấp nhất là 150 cm rộng 47 cm ký hiệu là T10 giá 1.260.000đ

11. 01 (một) cánh cửa hộp kim được làm từ nhiều hộp, kích thước của một hộp là 4 cm x 2 cm, chiều cao nhất 170 cm, thấp nhất là 150 cm rộng 47 cm ký hiệu là T11 giá 1.260.000đ

12. 01 (một) cánh cửa hộp kim được làm từ nhiều hộp, kích thước của khung cửa là 3 cm x 3 cm, các hộp hợp kim bên trong có kích thước 1.5 cm x 2.5 cm cửa có chiều cao nhất 115 cm, chiều rộng 117 cm ký hiệu là T12 giá 540.000đ

13. 01 (một) cánh cửa hộp kim màu xám được làm từ các ống tuýp hợp kim phi 21 có chiều cao nhất là 121cm, thấp nhất là 112 cm, chiều rộng là 54 cm ký hiệu là T13 giá 990.000đ.

Tổng giá trị: 11.520.000đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 04/05/2019 Viện kiểm sát có Công văn đề nghị trả hồ sơ để nhập 02 vụ án; ngày 07/05/ 2019 Tòa án nhân dân huyện S đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Ngày 30/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã ra Quyết định nhập 02 vụ án để giải quyết theo quy định.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản gồm 01 xe máy LIFAN cùng thùng kéo gắn xe; 72 khúc luồng và gỗ tạp cho chủ sở hữu là anh Chu Thế N. Anh N không có ý kiến gì, cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; trả lại 13 cánh cửa bằng hợp kim cho các chủ sở hữu gồm bà Lê Thị T; Nguyễn Văn H; Lê Xuân V; Nguyễn Văn T; Lê Sỹ L; Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị T; Lê Đình T. Những người như ông Nguyễn Văn H; Lê Xuân V; Nguyễn Văn T; Lê Sỹ L; Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị T; Lê Đình T không có ý kiến gì thêm và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Bà Lê Thị T yêu cầu bị cáo Thành bồi thường 300.000đ tiền thuê người lắp cánh cửa, mua bản lề.

Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mà anh đã mua của các bị cáo gồm 1.200.000đ tiền mua xe kéo, gốc luồng và gỗ tạp; 650.000 đ tiền mua cửa sắt.

Cơ quan cảnh sát điều tra còn thu giữ gồm:

01 (một) xe máy Wave màu xanh đen, biển số 36P9-3955 chưa xác định được chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả nên tiếp tục quy trữ tại Công an huyện S để chờ xử lý.

01 (một) ống tuýp sắt có đường kính 2,7 cm, dài 76 cm đã qua sử dụng; 01 (một) xà cày bằng sắt màu đen; 01 (một) xe kéo bằng sắt có hai bánh lốp cao su đã qua sử dụng hiện đang ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, Lê Đình T và Phạm Thị O khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 27/06/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh H đã truy tố Lê Đình T và Phạm Thị O về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Lê Đình T và Phạm Thị O phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Cho cả hai bị cáo khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 47; Điều 17 và

Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự, cho cả hai bị cáo.

Đề nghị xử phạt các bị cáo:

1. Lê Đình T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 19 tháng 04 năm 2019.

2. Phạm Thị O từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 19 tháng 04 năm 2019.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên đề nghị miễn phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Đình T phải bồi thường cho bà Lê Thị T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống tuýp sắt có đường kính 2,7 cm, dài 76 cm đã qua sử dụng; 01 (một) xà cây bằng sắt màu đen là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội vật chứng không có giá trị thì bị tịch thu và tiêu hủy. 01 (một) xe kéo bằng sắt có hai bánh lốp cao su đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội thì bị tịch thu, nộp nhân sách nhà nước.

Tiếp tục quy trừ 01 (một) xe máy Wave màu xanh đen, biển số 36P9-3955 để xác định chủ sở hữu, trong thời gian 01 năm mà không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu phát mại sung quỹ theo quy định.

Tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.850.000đ do bán tài sản trộm cắp mà có: T phải nộp 925.000đ, O phải nộp 925.000đ.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Lê Đình T: Bị cáo biết đã sai trái với pháp luật, với hàng xóm xin được mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Phạm Thị O: Bị cáo biết lỗi của mình xin được mức án thấp nhất vì bố mẹ đã già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những

người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo khoảng 21 giờ 30 phút ngày 23/07/2018, Phạm Thị O chở Lê Đình T trên đường đi về nhà. T thấy một chiếc xe máy biển số 36 H2-5083 gắn thùng kéo tự chế của anh Chu Thế N, trên xe có 72 gốc luồng và gỗ tạp. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nên bảo O dừng lại và đi đến chiếc xe máy kéo đang cắm sẵn chìa khóa ở ổ điện, T đã kéo chiếc xe ra đường, O đứng cách khoảng 15 m, biết T trộm xe nên đã tắt máy để không gây tiếng ồn. T nổ máy điều khiển xe nhưng do xe không có đèn nên O đã đi sau rọi đèn soi đường cho T đi, đến nhà anh Nguyễn Văn T cửa hàng mua phế liệu bán được số tiền là 1.200.000đ.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/4/2019, Lê Đình T chở Phạm Thị O cùng đi xe máy biển số 36P9-3955 đến nghĩa trang bản Vông thuộc thôn 6, xã Q, khi đi mang theo 01 cây xà cậy và 01 tuýp sắt. Đến nơi T dùng xà cậy và tuýp sắt cạy cánh cửa ở các phần mộ; được 13 cánh cửa của tám hộ gia đình, rồi cùng O khiêng xếp lại thành đống. Thành đi xe máy về nhà lấy thùng kéo đến để chở, còn O đi ra đường chính để đợi, khoảng 10 phút sau T quay lại rồi vác 13 cánh cửa lên thùng xe kéo buộc lại, rồi đón O đi đến cửa hàng mua phế liệu của anh Nguyễn Văn T bán được 650.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện S kết luận: Chiếc xe LIFAN, thùng kéo tự chế, 72 khúc luồng và gỗ tạp có tổng trị giá 4.906.615 đ (bốn triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm mười lăm đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 25/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện S kết luận 13 (mười ba) cánh cửa hợp kim có tổng trị giá 11.520.000đ (Mười một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, giấy báo cáo của công an xã, bị hại, các kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Đình T và Phạm Thị O phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội không lớn, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội và trên địa bàn, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân; các bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp. Vai trò các bị cáo trong vụ án theo Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đây thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn Lê Đình T giữ vai trò là người thực hành còn O là người giúp sức.

Động cơ và mục đích của các bị cáo là muốn có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu dùng cá nhân nhưng không chịu khó lao động nên đi trộm cắp tài sản.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội 02 lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; tiền án: không; tiền sự: không; về nhân thân đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; cần phải xử phạt tù các bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người tốt. Nhưng khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ra đầu thú, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo

Các bị cáo trộm cắp tài sản mục đích là để tiêu sài cá nhân; hoàn cảnh gia đình đều khó khăn; bản thân các bị cáo đang bị bệnh HIV nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn T, quá trình điều tra xác định không biết nguồn gốc số tài sản trên là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn không xử lý. Hội đồng xét xử miễn xét.

T và O đi mua ma túy để sử dụng nhưng không rõ là mua của ai, trọng lượng bao nhiêu, ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không xử lý. Hội đồng xét xử miễn xét.

Về bồi thường thiệt hại: Số tiền 1.850.000đ anh Nguyễn Văn T bỏ ra mua các tài sản trộm cắp của các bị cáo, anh T tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh và không yêu cầu gì thêm, đây là sự tự nguyện không trái với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Nguyễn Văn H; Lê Xuân V; Nguyễn Văn T; Lê Sỹ L; Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị T; Lê Đình T không yêu cầu gì thêm, đây là sự tự nguyện không trái với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Bà Lê Thị T yêu cầu bị cáo T bồi thường 300.000đ tiền thuê người lắp cánh cửa, mua bản lề là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận; bị cáo T đồng ý bồi thường và nhận bồi thường thay cho bị cáo O đây là sự tự nguyện không trái pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát: Về phần dân sự là có căn cứ, mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo, là phù hợp đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Cơ quan quan điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản gồm: Ngày 10/09/2018 và ngày 20/05/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản gồm 01 xe máy LIFAN cùng thùng kéo gắn xe; 72 khúc luồng và gỗ tạp cho chủ sở hữu là anh Chu Thế N. Trả lại 13 cánh cửa bằng hợp kim cho các chủ sở hữu gồm bà Lê Thị T; Nguyễn Văn H; Lê Xuân V; Nguyễn Văn T; Lê Sỹ L; Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị T; Lê Đình T; không có ai có ý kiến gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

01 (một) xe máy Wave màu xanh đen, biển số 36P9-3955 chưa xác định được chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả nên tiếp tục quy trữ tại Công an huyện để chờ xử lý. Hội đồng xét xử miễn xét.

01 (một) ống tuýp sắt có đường kính 2,7 cm, dài 76 cm đã qua sử dụng; 01 (một) xà cày bằng sắt màu đen là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội vật chứng không có giá trị thì bị tịch thu và tiêu hủy.

01 (một) xe kéo bằng sắt có hai bánh lốp cao su đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội thì bị tịch thu, nộp nhân sách nhà nước.

[4] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định. Bị cáo Lê Đình T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58 BLHS cho cả hai bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo:

Lê Đình T và Phạm Thị O phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt các bị cáo:

Lê Đình T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 19 tháng 04 năm 2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày) để bảo đảm cho việc thi hành án phạt tù.

Phạm Thị O 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 19 tháng 04 năm 2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày) để bảo đảm cho việc thi hành án phạt tù.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Đình T phải bồi thường cho bị hại là bà Lê Thị T số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Xử: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) ống tuýp sắt có đường kính 2,7 cm, dài 76 cm đã qua sử dụng; 01 (một) xà cày bằng sắt màu đen (đã qua sử dụng).

Tịch thu, nộp nhân sách nhà nước 01 (một) xe kéo bằng sắt có hai bánh lốp cao su đã qua sử dụng.

Vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản kê biên số 33 ngày 28/6/2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Đình T và Phạm Thị O mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; và bị cáo Lê Đình T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2019.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở chính quyền xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện S;
- UBND xã Tân Ninh, huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện S;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đại Long